

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 01 tháng 7/2026

www.tbt.gov.vn



AI bước vào điện ảnh: Đổi mới sáng tạo cần đi cùng niềm tin



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

AI bước vào điện ảnh: Đổi mới sáng tạo cần đi cùng niềm tin



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

5

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 01/7/2026 - 10/7/2026

8

Tin cảnh báo TBT số 01 tháng 7/2026

14

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành



Quan ngại thương mại

17

Quan ngại thương mại của Hàn Quốc và Nhật Bản đối với quy định bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với lốp xe tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban TBT/WTO



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

21

Liên minh Châu Âu và một số quốc gia thành viên – một số biện pháp về nhập khẩu và tiếp thị nhiên liệu sinh học và các biện pháp hỗ trợ ngành công nghiệp nhiên liệu sinh học (Phần 1)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

AI bước vào điện ảnh: Đổi mới sáng tạo cần đi cùng niềm tin

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng hiện diện rõ nét trong ngành công nghiệp điện ảnh. Từ hỗ trợ phát triển kịch bản, dựng hình ảnh, tạo hiệu ứng, chỉnh sửa âm thanh đến mô phỏng giọng nói và hình ảnh con người, AI đang mở ra những phương thức sản xuất nội dung mà chỉ vài năm trước còn khó hình dung.



Những công cụ này có thể giúp rút ngắn thời gian sản xuất, giảm chi phí và tạo thêm không gian thử nghiệm cho các nhà làm phim. Một cảnh quay có thể được hình dung trước bằng AI; hình ảnh, âm thanh hay hiệu ứng có thể được tạo và điều chỉnh nhanh hơn; một số công việc hậu kỳ vốn mất nhiều thời gian cũng có thể được tự động hóa.

Tuy nhiên, khi AI tham gia ngày càng sâu vào quá trình sáng tạo, những câu hỏi về độ tin cậy, quyền sở hữu, tính minh bạch và trách nhiệm cũng trở nên rõ ràng hơn.

Việc sử dụng hình ảnh hoặc giọng nói được tạo bằng AI, chẳng hạn, đặt ra vấn đề về sự đồng ý của diễn viên và quyền kiểm soát đối với hình ảnh cá nhân. Nội dung do AI tạo ra cũng làm nảy sinh câu hỏi về tác quyền và nguồn gốc dữ liệu được sử dụng để huấn luyện hệ thống. Nếu người xem không thể phân biệt đâu là hình ảnh thật, đâu là nội dung tổng

hợp, vấn đề không chỉ còn nằm ở công nghệ mà còn liên quan trực tiếp đến niềm tin đối với sản phẩm sáng tạo.

Bên cạnh đó, AI không phải lúc nào cũng tạo ra kết quả trung lập. Hệ thống được huấn luyện từ dữ liệu sẵn có có thể lặp lại hoặc khuếch đại những thiên lệch về giới, văn hóa hay cách thể hiện các nhóm xã hội. Trong một ngành mà câu chuyện, hình ảnh và cách đại diện có ảnh hưởng lớn đến công chúng như điện ảnh, những rủi ro này cần được xem xét ngay từ khi lựa chọn và triển khai công nghệ.

Theo IEC, đây là lý do ngành điện ảnh cũng cần tiếp cận AI dưới góc độ AI đáng tin cậy, thay vì chỉ tập trung vào khả năng mà công nghệ có thể tạo ra.

Một trong những công cụ hỗ trợ cách tiếp cận này là ISO/IEC 42001, tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo. Tiêu chuẩn đưa ra một khuôn khổ để tổ chức xác định cách AI được phát triển và sử dụng, nhận diện các rủi ro và tác động, xác lập trách nhiệm, theo dõi hoạt động của hệ thống và liên tục cải tiến cách thức quản lý AI.

Đối với ngành điện ảnh, cách tiếp cận này có thể áp dụng không chỉ cho các hãng phim mà còn cho công ty hậu kỳ, nhà cung cấp công nghệ, nền tảng phân phối nội dung và các tổ chức sử dụng AI trong hoạt động sáng tạo. Thay vì xử lý từng vấn đề sau khi phát sinh, một hệ thống quản lý giúp đưa các câu hỏi về minh bạch, trách nhiệm, quyền của các bên liên quan và quản lý rủi ro vào ngay trong quá trình lựa chọn và sử dụng công nghệ.

Điều này đặc biệt quan trọng khi ranh giới giữa nội dung do con người sáng tạo và nội dung do máy tạo ra ngày càng khó nhận biết. Khả năng tạo ra một khuôn mặt, giọng nói hoặc cảnh quay chân thực bằng AI có thể mang lại giá trị sáng tạo lớn, nhưng chính khả năng đó cũng đòi hỏi các cơ chế rõ ràng để xác định nguồn gốc, sự cho phép và trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng.

Sự phát triển của AI vì vậy không nhất thiết đặt công nghệ và sáng tạo của con người ở hai phía đối lập. Thách thức lớn hơn là xây dựng cách sử dụng AI để công nghệ hỗ trợ quá trình sáng tạo mà không làm suy giảm quyền lợi của con người, tính toàn vẹn của tác phẩm và niềm tin của khán giả.

Trong điện ảnh cũng như nhiều lĩnh vực khác, đổi mới công nghệ có thể diễn ra rất nhanh, trong khi các quy tắc và phương thức quản lý thường cần nhiều thời gian hơn để thích ứng. Việc áp dụng những khuôn khổ chung như ISO/IEC 42001 cho thấy tiêu chuẩn quốc tế có thể đóng vai trò kết nối giữa hai quá trình này: tạo điều kiện để AI tiếp tục được ứng dụng, nhưng trong một môi trường có trách nhiệm, minh bạch và đáng tin cậy hơn.

Nguồn: IEC, Lights, camera, AI: the need for trustworthy AI in the film industry.

<https://www.principal.iec.ch/blog/lights-camera-ai-need-trustworthy-ai-film-industry>

DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC
TỪ 01/7/2026 – 10/7/2026

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ai Cập	1	Tiêu chuẩn đối với găng tay khám y tế sử dụng một lần làm từ polyvinyl chloride (PVC).
Ấn Độ	1	Sửa đổi yêu cầu thiết yếu và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị chuyển mạch mạng LAN (LAN Switch).
Ả Rập Xê Út	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Bahrain	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Brazil	2	Đính chính thông tin đối với văn bản liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông; nguyên tắc và hướng dẫn nhận diện phê duyệt ANATEL đối với điện thoại di động, pin lithium và bộ sạc điện thoại.
Burundi	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	4	Yêu cầu kỹ thuật đối với nhiên liệu diesel pha biodiesel B5–B20; xăng dùng cho xe đua; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) gồm hỗn hợp propane và butane thương mại; tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Chile	1	Hướng dẫn kiểm soát theo lô đối với dược phẩm sử dụng cho người và các thủ tục liên quan nhằm bảo đảm chất lượng, an toàn trước khi phân phối và sử dụng.
Colombia	1	Sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật về ghi nhãn sử dụng năng lượng hợp lý đối với một số thiết bị sử dụng điện và khí đốt.
Costa Rica	2	Công nhận tương đương tiêu chuẩn đối với xi măng thủy lực; yêu cầu hiệu suất năng lượng đối với tủ lạnh và tủ đông gia dụng.
Đài Loan	3	Sửa đổi yêu cầu kiểm tra bắt buộc đối với thiết bị nguồn điện, bao gồm pin dự phòng lithium; yêu cầu kiểm tra đối với găng tay PVC gia dụng; sửa đổi yêu cầu kiểm tra đối với thiết bị nguồn điện, bao gồm bộ sạc ngoài xe cho xe máy điện.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Dominica	2	Tiêu chuẩn đối với mật ong; yêu cầu ghi nhãn đối với thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất nông nghiệp.
Hàn Quốc	7	Sửa đổi tiêu chuẩn ghi nhãn thực phẩm chức năng bảo vệ sức khỏe; tiêu chuẩn đối với phích cắm, ổ cắm, đầu nối và hệ thống sạc dẫn điện cho xe điện; sửa đổi tiêu chuẩn và tiêu chí chất lượng đối với sản phẩm gỗ.
Hoa Kỳ	6	Tiêu chí sửa chữa đường ống vận chuyển khí và chất lỏng nguy hiểm; tiêu chuẩn phát thải chất ô nhiễm không khí nguy hại đối với gỗ dán và sản phẩm gỗ composite; tiêu chuẩn an toàn đối với thanh chắn giường di động cho người lớn; quy định phát thải đối với phương tiện hạng nặng; quy trình và phương pháp phân tích xây dựng tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng.
Kenya	5	Giới hạn kim loại nặng đối với lá nguyệt quế; tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng; quy định về chứng nhận sản phẩm; đo lường khoa học và công nghiệp; thử nghiệm và chỉ định phòng thử nghiệm.
Kuwait	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Liên minh châu Âu	7	Miễn trừ giới hạn chì và cadimi trong một số thiết bị điện, điện tử theo RoHS; hệ thống đánh giá và xác minh đối với sản phẩm xây dựng; hạn chế và cấm một số chất trong mỹ phẩm; không gia hạn hoặc không phê duyệt một số hoạt chất trong sản phẩm diệt khuẩn; không gia hạn hoạt chất buprofezin trong thuốc bảo vệ thực vật.
Nam Phi	1	Quy chuẩn bắt buộc đối với kính an toàn và các vật liệu kính an toàn khác.
Nhật Bản	2	Sửa đổi quy định đối với hệ thống truyền điện không dây sử dụng băng tần 920 MHz; sửa đổi tiêu chuẩn ghi nhãn đối với thực phẩm có công bố chức năng dinh dưỡng.
Oman	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Panama	1	Quy trình đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống kết nối và bình nhôm chứa khí loại 25 lb.
Peru	1	Quy định về chất lượng nước dùng cho người, bao gồm yêu cầu đối với hóa chất khử trùng, vật liệu xử lý nước, hệ thống lọc và giám sát chất lượng nước.



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Pháp	1	Yêu cầu về hiệu suất môi trường đối với việc lắp đặt thiết bị sưởi và sản xuất nước nóng sinh hoạt trong các công trình xây dựng.
Qatar	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.
Rwanda	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Tanzania	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Thái Lan	1	Sửa đổi điều kiện miễn trừ khi nhập khẩu một số chất nguy hiểm thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Thái Lan.
Thổ Nhĩ Kỳ	1	Sửa đổi quy định của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ đối với gia vị.
Trung Quốc	34	Phương pháp thử đối với vật liệu nổ công nghiệp, kíp nổ và dây nổ; nhiên liệu ethanol biến tính; giống khoai lang; nguyên liệu sản xuất kem đánh răng; hiệu suất năng lượng máy nén khí; yêu cầu đối với giày, găng tay, dây đai, mũ, thiết bị bảo vệ hô hấp và các phương tiện bảo hộ cá nhân chống hồ quang điện, nhiệt, tĩnh điện và môi trường lạnh; thiết bị đo oxy mô não; an toàn tháo dỡ, nghiền pin kéo xe điện; đăng ký quản lý môi trường đối với hóa chất mới; yêu cầu phát hiện và tránh chướng ngại vật, ghi dữ liệu và an ninh mạng đối với thiết bị bay không người lái dân dụng; độ bền ghế ô tô, cơ cấu neo và tựa đầu.
Úc	1	Rà soát tiêu chuẩn an toàn bắt buộc đối với đồ chơi trẻ em có chứa nam châm.
Uganda	1	Tiêu chuẩn đối với bột giặt gia dụng.
Ukraina	5	Thủ tục cấm, tạm cấm và thu hồi thuốc khỏi lưu thông; sửa đổi thủ tục thông báo thông tin về mỹ phẩm; danh mục công bố đặc tính đối với thức ăn chăn nuôi dùng cho mục đích dinh dưỡng đặc biệt; đăng ký các chất được phép sử dụng trong vật liệu tiếp xúc thực phẩm và quy trình tái chế nhựa; sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật đối với mỹ phẩm.
Vương quốc Anh	1	Hạn chế các chất nguy hiểm trong mực xăm và sản phẩm trang điểm vĩnh viễn theo UK REACH.
Yemen	1	Tiêu chuẩn đối với hạt dẻ cười chưa bóc vỏ.



TIN CẢNH BÁO 01/7/2026 – 10/7/2026

Trung Quốc đề xuất yêu cầu mới đối với nguyên liệu sử dụng trong kem đánh răng



Ngày 10/7/2026, Trung Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia quy định các yêu cầu chung đối với nguyên liệu sử dụng trong kem đánh răng.

Theo thông báo, dự thảo quy định các yêu cầu đối với thành phần nguyên liệu sử dụng để sản xuất kem đánh răng, trong đó bao gồm danh mục các chất

bị cấm, các thành phần bị hạn chế sử dụng, các chất bảo quản được phép sử dụng và các chất tạo màu được phép sử dụng.

Tiêu chuẩn dự kiến áp dụng đối với kem đánh răng được sản xuất và lưu thông trên lãnh thổ Trung Quốc, thuộc nhóm HS 330610. Các sản phẩm kem đánh răng được sản xuất tại Trung Quốc nhưng chỉ dành riêng cho xuất khẩu ra nước ngoài không thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này.

Đây là nội dung đáng chú ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu kem đánh răng, sản phẩm chăm sóc răng miệng sang thị trường Trung Quốc. Khi tiêu chuẩn được ban hành, doanh nghiệp có thể phải rà soát lại công thức sản phẩm, nguồn gốc và thành phần nguyên liệu, đặc biệt là chất bảo quản, chất tạo màu và các thành phần thuộc diện hạn chế.

Việc thay đổi danh mục các chất được phép hoặc bị hạn chế cũng có thể dẫn đến yêu cầu điều chỉnh công thức, thay thế nguyên liệu hoặc bổ sung hồ sơ kỹ thuật nhằm chứng minh sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường Trung Quốc. Doanh nghiệp cần chủ động đối chiếu thành phần sản phẩm với dự thảo và theo dõi các yêu cầu cụ thể trước khi tiêu chuẩn chính thức có hiệu lực.

Mục tiêu của biện pháp là bảo vệ sức khỏe, an toàn của con người, bảo vệ người tiêu dùng và phòng ngừa các hành vi có thể gây hiểu lầm.

Thời gian dự kiến thông qua hiện chưa được xác định. Tiêu chuẩn dự kiến có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày được phê duyệt.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 08/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crattachments/2026/TBT/CHN/26_03560_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/CHN/2270.



Liên minh châu Âu đề xuất cấm và hạn chế thêm một số chất sử dụng trong mỹ phẩm



Ngày 08/7/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi Quy định (EC) số 1223/2009 liên quan đến việc sử dụng một số chất trong sản phẩm mỹ phẩm, bao gồm các chất được phân loại là gây ung thư, gây đột biến hoặc độc đối với sinh sản.

Theo thông báo, dự thảo được xây dựng nhằm cập nhật Quy định về mỹ phẩm của EU phù hợp với việc phân loại mới đối với các chất CMR theo quy định của EU về phân loại, ghi nhãn và đóng gói hóa chất.

Đáng chú ý, EU đề xuất cấm sử dụng Benzophenone-1, Benzophenone-2, Basic Brown 16, Basic Blue 99 và các chất tương tự prostaglandin trong mỹ phẩm trên cơ sở kết luận đánh giá an toàn của Ủy ban Khoa học về An toàn Người tiêu dùng (SCCS).

Dự thảo đồng thời đưa ra hoặc cập nhật các hạn chế sử dụng đối với một số chất như Butylated Hydroxyanisole (BHA), Butylparaben, Cannabidiol (CBD) và Hydroxyapatite dạng nano. Một số ngoại lệ hiện hành đối với chất bảo quản có chứa thủy ngân cũng được đề xuất bãi bỏ.

Biện pháp áp dụng đối với sản phẩm mỹ phẩm. Đây là nội dung cần lưu ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc và các sản phẩm làm đẹp sang EU.

Các doanh nghiệp có sản phẩm chứa những thành phần thuộc phạm vi sửa đổi có thể phải rà soát lại công thức, nồng độ sử dụng và hồ sơ an toàn của nguyên liệu. Đối với các chất bị cấm, việc thay thế thành phần và điều chỉnh công thức có thể cần được thực hiện trước khi quy định mới có hiệu lực. Đối với các chất bị hạn chế, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý đến điều kiện và mức sử dụng được phép.

Mục tiêu của biện pháp là tăng cường bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng trước những nguy cơ có thể phát sinh từ việc tiếp xúc với các chất có đặc tính nguy hại trong mỹ phẩm.

Dự kiến biện pháp được thông qua trong quý IV/2026 và có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày được công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 06/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_03531_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/1219.



Đài Loan đề xuất tăng cường kiểm tra đối với pin, sạc dự phòng lithium



Ngày 07/7/2026, Đài Loan thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi yêu cầu kiểm tra bắt buộc đối với thiết bị nguồn điện, trong đó có pin sạc dự phòng lithium thứ cấp.

Theo thông báo, Cơ quan Tiêu chuẩn, Đo lường và Kiểm tra (BSMI) đề xuất sửa đổi yêu cầu kiểm tra đối với 9 nhóm sản phẩm điện tử thuộc diện quản lý, bao gồm pin sạc dự phòng lithium và các thiết bị nguồn điện khác.

Một trong những thay đổi đáng chú ý là mở rộng phạm vi kiểm tra đối với pin, bao gồm cell pin lithium thứ cấp, khối pin, bộ pin, mô-đun hoặc hệ thống pin. Dự thảo cũng cập nhật phiên bản của các tiêu chuẩn kiểm tra áp dụng đối với sản phẩm.

Bên cạnh việc thử nghiệm sản phẩm, dự thảo đề xuất bổ sung kiểm tra tại nhà máy như một phần của thủ tục đánh giá sự phù hợp. Đây có thể là thay đổi đáng chú ý đối với nhà sản xuất nước ngoài khi đưa sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh vào thị trường Đài Loan.

Biện pháp áp dụng đối với pin lithium-ion và các loại ắc quy điện thuộc các nhóm HS 850760 và 850780. Đây là nhóm hàng liên quan đến các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, gia công hoặc xuất khẩu pin sạc dự phòng, bộ pin, linh kiện pin và các thiết bị nguồn điện.

Khi yêu cầu mới được áp dụng, doanh nghiệp có thể phải rà soát lại tiêu chuẩn thử nghiệm đang sử dụng, phạm vi chứng nhận của từng loại pin và thiết bị, đồng thời chuẩn bị cho yêu cầu đánh giá tại cơ sở sản xuất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra từ sản phẩm hoàn chỉnh sang cell, bộ pin, mô-đun và hệ thống pin cũng có thể làm tăng yêu cầu đối với hồ sơ kỹ thuật và quản lý chuỗi cung ứng.

Mục tiêu của dự thảo là tăng cường an toàn sản phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong bối cảnh các sản phẩm sử dụng pin lithium-ion ngày càng phổ biến và tiềm ẩn những rủi ro về an toàn nếu không được kiểm soát phù hợp.

Thời gian dự kiến thông qua hiện chưa được xác định. Quy định dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2027.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 05/9/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/TPKM/26_03498_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/TPKM/601.



DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Thông tư 33/2026/TT-BCT	Thông tư 33/2026/TT-BCT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Cập nhật: 30/06/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-33-2026-TT-BCT-Danh-muc-hang-hoa-co-muc-do-rui-ro-trung-binh-muc-do-rui-ro-cao-710258.aspx
2	Văn bản hợp nhất 54/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 54/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	Cập nhật: 01/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-54-VBHN-BCT-2026-Thong-tu-huong-dan-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-713284.aspx
3	Văn bản hợp nhất 57/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 57/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật quản lý ngoại thương về biện pháp phát triển ngoại thương do	Cập nhật: 01/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-57-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-huong-dan-Luat-quan-ly-ngoai-thuong-713283.aspx

		Bộ Công Thương ban hành		
4	Văn bản hợp nhất 55/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 55/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại do Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 01/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-55-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-huong-dan-Luat-thuong-mai-ve-xuc-tien-thuong-mai-713549.aspx
5	Thông tư 98/2026/TT-BQP	Thông tư 98/2026/TT-BQP quy định về chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng cho các cơ sở sản xuất sản phẩm quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành	Cập nhật: 06/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Thong-tu-98-2026-TT-BQP-chung-nhan-He-thong-quan-ly-chat-luong-co-so-san-xuat-san-pham-quoc-phong-713744.aspx
6	Văn bản hợp nhất 60/VBHN-TT-BCT	Văn bản hợp nhất 60/VBHN-TT-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng natri hydroxit công nghiệp do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-60-VBHN-TT-BCT-2026-Thong-tu-Quy-chuan-quoc-gia-chat-luong-natri-hydroxit-cong-nghiep-713926.aspx
7	Văn bản hợp nhất 59/VBHN-TT-BCT	Văn bản hợp nhất 59/VBHN-TT-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng Poly Aluminium Chloride (PAC) do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Van-ban-hop-nhat-58-VBHN-TT-BCT-2026-Thong-tu-Quy-chuan-quoc-gia-chat-luong-amoniac-cong-nghiep-713924.aspx

8	Văn bản hợp nhất 63/VBHN-TT-BCT	Văn bản hợp nhất 63/VBHN-TT-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	Cập nhật: 07/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Van-ban-hop-nhat-63-VBHN-TT-BCT-2026-Thong-tu-Quy-chuan-muc-gioi-han-formaldehyt-san-pham-det-may-713929.aspx
---	------------------------------------	---	-------------------------	---



Quan ngại thương mại của Hàn Quốc và Nhật Bản đối với quy định bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với lốp xe tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban TBT/WTO

Ngày 11/4/2025, Indonesia đã thông báo cho các Thành viên WTO về Thông báo bổ sung G/TBT/N/IDN/13/Add.5 liên quan đến Quy định số 9 năm 2025 của Bộ Công nghiệp về việc áp dụng bắt buộc Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với lốp xe.

Quy định này đã được ban hành ngày 24/01/2025 nhằm thay thế các tiêu chuẩn kỹ thuật trước đây bằng bộ tiêu chuẩn SNI phiên bản năm 2019, bao gồm SNI 98:2019, SNI 99:2019, SNI 100:2019 và SNI 101:2019. Bên cạnh việc cập nhật các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định cũng sửa đổi các yêu cầu về đánh giá nhà máy, chứng nhận sự phù hợp và lộ trình thực hiện đối với các doanh nghiệp sản xuất lốp xe trong nước và nước ngoài.

Theo quy định, từ ngày 24/7/2025 đến ngày 24/7/2026 là giai đoạn chuyển tiếp để các doanh nghiệp hoàn tất việc chuyển đổi sang bộ tiêu chuẩn SNI năm 2019 và cập nhật các chứng nhận phù hợp tương ứng. Ngày 03/6/2025, Bộ Công nghiệp Indonesia tiếp tục ban hành Quyết định số 2582 năm 2025, chỉ định các tổ chức chứng nhận và phòng thử nghiệm được công nhận để thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định mới.

Theo Indonesia, biện pháp nêu trên nhằm bảo đảm chất lượng và an toàn của lốp xe lưu thông trên thị trường Indonesia, tăng cường bảo vệ người tiêu dùng và thống nhất áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm lốp xe.

Hàn Quốc và Nhật Bản nêu quan ngại

Quan ngại của Hàn Quốc

Tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO, Hàn Quốc khẳng định ủng hộ mục tiêu chính đáng của Indonesia trong việc bảo đảm chất lượng và an toàn của sản phẩm lốp xe. Tuy nhiên, Hàn Quốc cho rằng một số quy định trong Điều 12 khoản 2 và khoản 3 của Quy định số 9 năm 2025 có thể tạo ra các hạn chế thương mại vượt quá mức cần thiết để đạt được mục tiêu này.



Theo quy định, các doanh nghiệp sản xuất lốp xe theo nhãn hiệu của bên thứ ba, bao gồm hoạt động sản xuất theo hợp đồng (contract manufacturing) hoặc theo thỏa thuận hợp tác, chỉ được phép thực hiện sau khi đã có Giấy chứng nhận SNI đối với nhãn hiệu riêng của chính mình. Hàn Quốc cho rằng yêu cầu này gây ảnh hưởng đáng kể đến các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình gia công hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng, mặc dù các doanh nghiệp này vẫn có đầy đủ năng lực kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu. Theo Hàn Quốc, quyền sở hữu nhãn hiệu không phải là yếu tố quyết định mức độ an toàn của sản phẩm. Việc bảo đảm chất lượng lốp xe phải được đánh giá thông qua hệ thống quản lý chất lượng, quy trình sản xuất và kết quả thử nghiệm sản phẩm, thay vì dựa trên việc doanh nghiệp có hay không sở hữu nhãn hiệu riêng. Do đó, Hàn Quốc cho rằng quy định này có dấu hiệu chưa phù hợp với Điều 2.2 của Hiệp định TBT, do có thể tạo ra các hạn chế thương mại lớn hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu chính đáng; và Điều 5.1.2 của Hiệp định TBT, theo đó các thủ tục đánh giá sự phù hợp không được áp dụng nghiêm ngặt hơn mức cần thiết để bảo đảm sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Hàn Quốc đề nghị Indonesia sửa đổi Điều 12 và bãi bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải có chứng nhận SNI cho nhãn hiệu riêng trước khi được sản xuất theo nhãn hiệu của bên thứ ba.

Quan ngại của Nhật Bản

Nhật Bản cũng bày tỏ quan ngại về khả năng thực hiện lộ trình chuyển đổi theo quy định mới.

Theo Nhật Bản, Quyết định số 2582 năm 2025 chỉ định 07 tổ chức chứng nhận thực hiện đánh giá đối với các nhà máy sản xuất trong nước, trong khi chỉ có 03 tổ chức chứng nhận trực thuộc Chính phủ được giao thực hiện đánh giá đối với các nhà máy ở nước ngoài. Sự chênh lệch về số lượng tổ chức chứng nhận khiến năng lực đánh giá đối với các cơ sở sản xuất ở nước ngoài bị hạn chế đáng kể. Bên cạnh đó, các đoàn đánh giá của các tổ chức chứng nhận này còn gặp khó khăn trong việc xin giấy phép xuất cảnh, dẫn đến nhiều cuộc đánh giá nhà máy bị chậm so với kế hoạch.

Ngoài ra, Quy định số 9 năm 2025 còn yêu cầu kiểm toán viên phải quay trở về trụ sở sau khi hoàn thành mỗi cuộc đánh giá nhà máy. Quy định này không còn cho phép thực hiện nhiều cuộc đánh giá liên tiếp trong cùng một chuyến công tác như trước đây, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực và kéo dài thời gian đánh giá đối với các nhà máy ở nước ngoài. Theo Nhật Bản, trong bối cảnh các doanh nghiệp phải hoàn thành việc chuyển đổi chứng

nhận trước ngày 24/7/2026, các hạn chế nêu trên khiến nhiều nhà sản xuất ở nước ngoài khó có thể hoàn tất thủ tục đúng thời hạn. Vì vậy, Nhật Bản đề nghị Indonesia xem xét kéo dài thời gian chuyển tiếp phù hợp với Điều 5.9 của Hiệp định TBT, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoàn thành việc chuyển đổi chứng nhận.

Indonesia trả lời quan ngại

Indonesia cảm ơn Hàn Quốc và Nhật Bản đã tích cực trao đổi về việc triển khai quy định bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia đối với lốp xe.

Indonesia khẳng định quy định được xây dựng và thực hiện trên cơ sở minh bạch, không phân biệt đối xử và hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu chính đáng của Hiệp định TBT, đặc biệt là bảo đảm an toàn sản phẩm và bảo vệ người tiêu dùng. Theo Indonesia, việc quy định áp dụng bắt buộc tiêu chuẩn SNI nhằm tạo sự rõ ràng và thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tại Indonesia. Trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn SNI, Indonesia đã tham khảo và tiếp thu các tiêu chuẩn quốc tế cũng như các tài liệu kỹ thuật liên quan nhằm bảo đảm tính hài hòa với thông lệ quốc tế.

Đối với quan ngại của Nhật Bản về thời gian chuyển tiếp, Indonesia cho biết các chứng nhận được cấp theo quy định cũ vẫn tiếp tục được công nhận trong thời hạn tối đa 01 năm kể từ khi quy định mới có hiệu lực. Khoảng thời gian này được xác định sau khi tiến hành đánh giá tác động của quy định và được đánh giá là đủ để cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hoàn thành việc chuyển đổi. Indonesia nhấn mạnh rằng thời hạn 24/7/2026 đã được quy định trong văn bản pháp luật và hiện không có kế hoạch điều chỉnh. Tuy nhiên, Bộ Công nghiệp sẽ tiếp tục phối hợp với các tổ chức chứng nhận để tối ưu hóa việc bố trí lịch đánh giá và phân bổ nguồn lực nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi.

Đối với quan ngại của Hàn Quốc về yêu cầu doanh nghiệp phải có chứng nhận SNI đối với nhãn hiệu riêng, Indonesia giải thích rằng quy định này nhằm bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các nhà sản xuất và xác nhận doanh nghiệp đã chứng minh được năng lực kỹ thuật cũng như hệ thống quản lý chất lượng trước khi sản xuất theo nhãn hiệu của bên thứ ba. Indonesia cũng làm rõ rằng việc có chứng nhận SNI cho nhãn hiệu riêng không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp bắt buộc phải đưa sản phẩm mang nhãn hiệu đó ra thị trường. Trong trường hợp doanh nghiệp không kinh doanh sản phẩm dưới nhãn hiệu của mình, doanh nghiệp chỉ cần có chứng nhận SNI để chứng minh đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, mà không phải xin cấp giấy chứng nhận lưu hành thương mại (SPPT SNI).



Cuối cùng, Indonesia cho biết sẽ tiếp tục xử lý các hồ sơ chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm các nguyên tắc minh bạch, khách quan và không phân biệt đối xử, đồng thời duy trì đối thoại kỹ thuật với Hàn Quốc và Nhật Bản nhằm bảo đảm việc triển khai quy định được thực hiện hiệu quả, phù hợp với các nghĩa vụ của Indonesia trong khuôn khổ WTO và không tạo ra các rào cản thương mại không cần thiết.

Nhận xét

Như vậy, quan ngại của Hàn Quốc và Nhật Bản phản ánh hai nhóm vấn đề khác nhau trong quá trình thực hiện quy định bắt buộc về SNI đối với lốp xe. Trong khi Hàn Quốc tập trung vào tính cần thiết và tính tương xứng của yêu cầu doanh nghiệp phải có chứng nhận SNI cho nhãn hiệu riêng trước khi được sản xuất theo nhãn hiệu của bên thứ ba, thì Nhật Bản chủ yếu quan ngại về tính khả thi của quá trình chuyển đổi chứng nhận, đặc biệt đối với các nhà máy sản xuất ở nước ngoài do hạn chế về năng lực đánh giá và thời gian thực hiện. Qua vụ việc này, có thể thấy bên cạnh nội dung của quy định kỹ thuật, cách thức tổ chức thực hiện các thủ tục đánh giá sự phù hợp, năng lực của các tổ chức chứng nhận và tính hợp lý của lộ trình chuyển tiếp cũng là những yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại quốc tế và thường xuyên được các Thành viên WTO trao đổi tại Ủy ban TBT.



LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA THÀNH VIÊN – MỘT SỐ BIỆN PHÁP VỀ NHẬP KHẨU VÀ TIẾP THỊ NHIÊN LIỆU SINH HỌC VÀ CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ NGÀNH CÔNG NGHIỆP NHIÊN LIỆU SINH HỌC (Biodiesel) (DS 459) (Phần 3)

III. BẢN CHẤT CỦA CÁC BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH BỊ KHIẾU NẠI

Bên cạnh các quy định mang tính nguyên tắc trong các đạo luật khung, cốt lõi tạo nên sự phân biệt đối xử và triệt tiêu lợi thế cạnh tranh của sản phẩm diesel sinh học Argentina nằm ở **hệ thống các biện pháp hành chính và quy trình thủ tục**. Khảo sát thực tế các biện pháp áp dụng tại Liên minh Châu Âu (EU), đặc biệt là tại Ý, Bỉ và trong quy trình xem xét chung của Ủy ban Châu Âu, cho thấy các rào cản hành chính này vận hành như một bộ lọc kép, cô lập hàng nhập khẩu thông qua hai bản chất pháp lý – kỹ thuật cốt lõi.

1. Cơ chế cấp phép theo từng chuyến hàng (Shipment-by-Shipment Licensing) và Gánh nặng thủ tục phân biệt đối xử

Tại thị trường Ý, hệ thống pháp luật thiết lập một sự phân nhánh rõ rệt trong quy trình quản lý hành chính đối với nhiên liệu sinh học dựa trên tiêu chí xuất xứ:

- **Đối với sản phẩm nội địa EU:** Quy trình giám sát tính tuân thủ được thực hiện theo hệ thống chứng nhận tự động hoặc chứng nhận định kỳ theo chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Hàng hóa sau khi ra khỏi cơ sở sản xuất được lưu thông dựa trên cơ sở thừa nhận hệ thống quản lý chất lượng chung.

- **Đối với sản phẩm nhập khẩu từ các nước ngoài EU (như Argentina):** Quy định bắt buộc phải áp dụng **chế độ cấp phép nhập khẩu riêng biệt cho từng chuyến hàng (shipment-by-shipment)**. Việc cấp phép này không mang tính chất tự động mà phụ thuộc vào việc doanh nghiệp phải xuất trình một bộ tài liệu chứng minh phức tạp đối

với từng lô hàng cụ thể trước khi hàng được thông quan hoặc được tính vào nghĩa vụ pha trộn tối thiểu.

Phân tích tác động thương mại:

Biện pháp hành chính này tạo ra hai hệ quả bất lợi lớn cho hàng nhập khẩu:

- **Gia tăng chi phí giao dịch hành chính (Compliance Costs):** Việc phải chuẩn bị, dịch thuật và nộp các hồ sơ pháp lý, kỹ thuật riêng biệt cho từng chuyển hàng làm phát sinh chi phí nhân sự và vận hành liên tục cho nhà nhập khẩu, điều mà các nhà cung ứng nội khối EU được miễn trừ.

- **Rủi ro về mặt thời gian và lưu kho:** Tính chất không tự động của quy trình cấp phép tạo ra sự bất định về thời gian thông quan. Bất kỳ sự chậm trễ nào từ phía cơ quan hành chính trong việc xét duyệt hồ sơ của một chuyển hàng cụ thể đều đẩy doanh nghiệp vào tình thế phải chịu thêm chi phí lưu kho bãi, làm suy giảm đặc tính kỹ thuật của nhiên liệu sinh học do lưu trữ dài ngày, và làm mất đi tính linh hoạt khi ứng phó với biến động giá theo thời gian thực trên thị trường năng lượng.

2. Sự chậm trễ mang tính hệ thống trong quy trình công nhận hệ thống chứng nhận tự nguyện (Asymmetry in Conformity Assessment)

Để đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững theo Chỉ thị Năng lượng Tái tạo (RED) của EU, các quốc gia hoặc tổ chức ngoài khối thường xây dựng các **hệ thống chứng nhận tự nguyện (voluntary schemes)** phù hợp với chuỗi cung ứng nội địa của họ. Phòng Năng lượng sinh học Argentina (CARBIO) đã đệ trình yêu cầu lên Ủy ban Châu Âu để được công nhận hệ thống chứng nhận tự nguyện của mình đối với sản phẩm diesel sinh học. Tuy nhiên, quy trình hành chính này đã bộc lộ bản chất là một rào cản kỹ thuật thông qua sự chậm trễ có hệ thống.

Phân tích cấu trúc cản trở của quy trình hành chính:

[Hồ sơ hệ thống tự nguyện CARBIO]

|



[Quy trình xét duyệt của EU] —> (Kéo dài vô thời hạn / Thiếu thời hạn phê duyệt tối đa)

|



[Hệ quả: Không được công nhận] —> (Sản phẩm Argentina mất tư cách "bền vững" tại điểm đến)

|



[Hệ quả tài chính tiếp diễn] —> (Bị loại khỏi diện miễn giảm thuế và hạn ngạch pha trộn)

- **Thiếu hụt các mốc thời gian hành chính minh bạch:** Quy trình xem xét và phê duyệt của các cơ quan chức năng EU đối với hồ sơ của CARBIO không được ràng buộc bởi các quy hạn chặt chẽ về mặt thời gian (ví dụ: quy định thời hạn tối đa phải ra quyết định phê duyệt hoặc từ chối). Sự mập mờ này cho phép cơ quan hành chính kéo dài quá trình thẩm định thông qua việc liên tục yêu cầu bổ sung thông tin hoặc giải trình.

- **Tác động triệt tiêu cơ hội thị trường:** Trong suốt thời gian quy trình hành chính này bị đình trệ, diesel sinh học của Argentina hoàn toàn không có cách nào được công nhận là "bền vững" tại các thị trường như Bỉ hay Ý. Do đó, mặc dù sản phẩm của Argentina về mặt khoa học có thể đạt hoặc vượt các tiêu chí cắt giảm phát thải, nó vẫn bị loại trừ khỏi diện được hưởng ưu đãi thuế hoặc không được các công ty dầu khí chọn mua vì không giúp họ hoàn thành nghĩa vụ pha trộn bắt buộc theo luật định.

Tựu trung lại, bản chất của các biện pháp hành chính bị khiếu nại trong vụ việc WT/DS459 là việc **chuyển hóa các mục tiêu kỹ thuật hợp pháp thành các rào cản thủ tục phi đối xứng**. Bằng cách tạo ra một quy trình hành chính phân biệt đối xử dựa trên xuất xứ (áp dụng cho từng chuyển hàng ngoài EU) và sử dụng sự chậm trễ trong quy trình

kiểm định hệ thống (TBT), EU và các quốc gia thành viên đã thiết lập một cơ chế bảo hộ gián tiếp nhưng hiệu quả. Cơ chế này làm thay đổi điều kiện cạnh tranh trên thị trường, đẩy rủi ro tài chính và rủi ro vận hành về phía nhà xuất khẩu Argentina, qua đó bảo hộ ngành sản xuất nhiên liệu sinh học nội địa của Liên minh Châu Âu mà không cần phải áp dụng các biện pháp cấm đoán thuế quan trực tiếp tại biên giới.

IV. KẾT LUẬN

Tranh chấp WT/DS459 thể hiện xung đột điển hình giữa các biện pháp pháp lý nhằm thực hiện mục tiêu môi trường, năng lượng nội địa với các nghĩa vụ thương mại đa phương đa quốc gia trong khuôn khổ WTO.

Hệ thống văn bản khiếu nại của Argentina đã bóc tách các chính sách của Liên minh Châu Âu và bốn quốc gia thành viên (Bỉ, Pháp, Ý, Ba Lan) từ cấp độ chỉ thị vĩ mô đến các công cụ thực thi kỹ thuật vi mô. Lập luận pháp lý của Argentina dựa trên cấu trúc đa tầng, chỉ ra rằng việc EU sử dụng các tiêu chí phân biệt đối xử dựa trên địa lý để cấp tư cách "bền vững", áp dụng cơ chế "cộng không" trị số năng lượng, giảm chỉ tiêu pha trộn dựa trên hàm lượng nội địa, và kéo dài quy trình kiểm định kỹ thuật (TBT) đã trực tiếp phá vỡ thể cân bằng cạnh tranh bình đẳng.

Bằng việc vi phạm dẫn đồng thời các vi phạm cốt lõi về Đối xử Quốc gia (GATT Điều III), hạn chế đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs), trợ cấp nội địa tạo lợi thế bất hợp pháp (SCM) và rào cản kỹ thuật vượt mức cần thiết (TBT), Argentina hướng tới mục tiêu buộc EU phải dỡ bỏ hoặc sửa đổi toàn bộ các rào cản hành chính và kỹ thuật này, nhằm khôi phục quyền tiếp cận thị trường một cách hợp pháp và bình đẳng cho sản phẩm diesel sinh học của mình. Văn bản này đóng vai trò là cơ sở pháp lý nền tảng để thiết lập chương trình nghị sự cho các phiên tham vấn song phương tiếp theo giữa hai bên thành viên WTO.